

Số: /KH-UBND

Đồng Yên, ngày tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Đồng Yên giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 25/6/2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2026 – 2030.

UBND xã Đồng Yên ban hành Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

1.1. Kết quả đạt được

Trước thời điểm hợp nhất cấp xã chưa được giao nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số. Đến ngày 01/7/2025, hai xã Đồng Yên và Vĩnh Phúc (hợp nhất) được giao nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số, đã kịp thời ban hành nhiều văn bản để cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP (Ban Thường vụ Đảng ủy: 02 văn bản¹; Ban Chỉ đạo Đảng ủy: 03 văn bản²; UBND xã: 01 văn bản³), làm cơ sở triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, với trọng tâm 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

1.2. Tồn tại, hạn chế

Một số cơ quan, đơn vị chưa quyết liệt trong triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số; tiến độ thực hiện còn chậm.

2. Hạ tầng số

2.1. Kết quả đạt được

- Việc thiết lập mạng diện rộng kết nối Internet: Hiện nay, cơ quan đang sử

¹ Kế hoạch số 08-KH/ĐU ngày 15/9/2025 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 22-KH/ĐU ngày 30/10/2025 triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn xã Đồng Yên.

² Chỉ đạo ban hành Quyết định số 01-QĐ/ĐU ngày 14/8/2025 về việc thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Đồng Yên; Quy chế số 01-QC/BCĐ ngày 15/9/2025 về quy chế làm việc của Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; Quyết định số 01-QĐ/BCĐ ngày 15/8/2025 về thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

³ Kế hoạch số 628/KH-UBND, ngày 14/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Yên về việc thực hiện thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong tình hình mới.

dụng đường truyền mạng của VNPT/Vinaphone phục vụ hoạt động tác nghiệp chuyên môn và đường truyền của Viettel để bảo đảm kết nối phục vụ hội nghị trực tuyến.

- Hệ thống mạng LAN mật (để nhận và gửi các văn bản mật, tối mật): Đảng ủy xã đã trang bị 01 bộ máy vi tính đặt bàn; 01 máy in tại phòng văn thư Đảng ủy; 01 bộ máy vi tính đặt bàn; 01 máy in đặt tại phòng chuyên viên Ban xây dựng Đảng; 01 bộ máy vi tính đặt bàn; 01 máy in đặt tại chuyên viên UBKT Đảng ủy; 01 bộ máy vi tính đặt bàn; 01 máy in đặt tại Văn thư UB MTTQ xã; 01 bộ máy vi tính đặt bàn; 01 máy in đặt tại Văn phòng HĐND&UBND xã. Tỉnh ủy đã cấp 01 thiết bị BML-10; 01 USB Token để đọc văn bản mật và 03 USB để sao chép (copy) các văn bản mật.

2.2. Tồn tại, hạn chế

- Sau hợp nhất, địa bàn rộng, một số vùng trong thôn chưa có sóng di động, ảnh hưởng đến triển khai chuyển đổi số.

- Cơ sở vật chất, thiết bị tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) chưa đồng bộ ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ xử lý hồ sơ.

3. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

3.1. Kết quả đạt được

- Tiếp tục triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, UBND xã cùng các cơ quan, đơn vị liên quan đã chủ trì, phối hợp tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn⁴.

- Xã đã phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm phổ cập kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và kỹ năng số cho người dân, tạo sức lan tỏa sâu rộng, thúc đẩy toàn dân tích cực học tập, rèn luyện kỹ năng và tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

- Xã đã thành lập 18 Tổ công nghệ số cộng đồng tại 18 thôn với hơn 162 thành viên. Các tổ hoạt động tích cực, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các nền tảng số phục vụ đời sống, đặc biệt là hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

3.2. Tồn tại, hạn chế

- Nguồn nhân lực chuyển đổi số còn hạn chế về chất lượng, thiếu cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin (CNTT) tại xã.

- Kỹ năng số của cán bộ, công chức, viên chức và người dân chưa đồng đều; người dân, đặc biệt là người lớn tuổi, còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng các nền tảng, ứng dụng số.

4. Dữ liệu số

⁴ Cán bộ, công chức xã tham gia 03 lớp bồi dưỡng chuyển đổi số và AI tại phường Hà Giang 2 và xã Quang Bình. Mời TTPVHCC tỉnh tổ chức tập huấn với hình thức cầm tay chỉ việc tại TTPVHCC xã được 01 đợt.

4.1. Kết quả đạt được

Duy trì, sử dụng hiệu quả các hệ thống, phần mềm dùng chung của tỉnh, ngành, lĩnh vực để phát triển dữ liệu số, như: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin báo cáo; Hệ thống thư điện tử tỉnh; Hệ thống quản lý công chức, viên chức; hệ thống quản lý thi đua khen thưởng... Kết quả nổi bật như sau:

- Việc số hóa dữ liệu tiếp tục được đẩy mạnh trong các ngành, lĩnh vực của xã; dữ liệu được số hóa đảm bảo tiêu chí “Đúng - Đủ - Sạch - Sổng - Thống nhất - Dùng chung”.

- Tiếp tục thực hiện làm sạch dữ liệu xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên các lĩnh vực: Bảo hiểm xã hội; thuế; y tế; xây dựng; tư pháp, giáo dục và đào tạo; nông nghiệp và môi trường.

- Tiếp tục duy trì việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID; triển khai Sổ sức khỏe điện tử; triển khai cấp đổi thẻ Đảng viên và thực hiện các chế độ an sinh xã hội trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử, bảo đảm phục vụ hiệu quả người dân trên địa bàn xã.

4.2. Tồn tại, hạn chế

Một số nền tảng số và Cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành do Bộ, sở, ngành triển khai còn thiếu hướng dẫn, chưa thực sự thống nhất, đồng bộ, chưa được chuẩn hóa sau sáp nhập.

5. An toàn thông tin mạng

5.1. Kết quả đạt được

Duy trì sử dụng ổn định Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC) của tỉnh; thực hiện giám sát 24/24, đảm bảo an toàn cho các hệ thống thông tin và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC); duy trì giải pháp phòng, chống mã độc cho máy tính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã. Đồng thời, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện rà soát lại phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý, duy trì, vận hành;... đáp ứng các yêu cầu thực tế hiện nay. 100% hệ thống thông tin của xã được đánh giá, kiểm tra an toàn định kỳ. Công tác đào tạo, tập huấn, diễn tập, nâng cao nhận thức an toàn thông tin... cho cán bộ, công chức và tiếp tục được quan tâm, thực hiện.

5.2. Tồn tại, hạn chế

Xã chưa có cán bộ chuyên trách về chuyên đổi số, chỉ làm kiêm nhiệm vì vậy công tác đảm bảo an toàn ở cấp xã còn mang tính thụ động; kiến thức về đảm bảo an toàn thông tin chỉ ở mức cơ bản, chưa được chuyên sâu.

6. Chính quyền số

6.1. Kết quả đạt được

- *Cung cấp dịch vụ công trực tuyến:* Duy trì, sử dụng các tính năng của Hệ

thông thông tin giải quyết TTHC tỉnh kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; Cơ sở dữ liệu dân cư, xác thực định danh điện tử; Phần mềm dịch vụ công liên thông; Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ (EMC).

Số điện thoại đường dây nóng của xã tăng sự tương tác giữa chính quyền và người dân; tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị... nâng cao chất lượng quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo điều hành.

- *Ứng dụng, dịch vụ nội bộ*: Các cơ quan, đơn vị tiếp tục sử dụng hiệu quả các hệ thống dùng chung của tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Các hệ thống đã được điều chỉnh, cập nhật theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và hợp nhất xã, đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả từ ngày 01/7/2025. Một số kết quả cụ thể, như sau:

Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành hoạt động ổn định.

Tổng chữ ký số chuyên dùng đã được thay đổi thông tin, cấp mới cho 100% cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức.

Duy trì hoạt động của hệ thống trực tuyến thường xuyên phục vụ các cuộc họp liên thông từ Trung ương đến tỉnh, đến xã.

6.2. Tồn tại, hạn chế

- Một bộ phận người dân chưa thành thạo sử dụng máy tính, không có điện thoại thông minh hoặc tài khoản ngân hàng, gây khó khăn trong quá trình thao tác và thanh toán trực tuyến khi thực hiện dịch vụ hành chính công.

- Đa số công chức, viên chức phụ trách công tác CNTT, chuyển đổi số tại xã làm việc theo hình thức kiêm nhiệm, nên việc tham mưu đôi khi chưa kịp thời, thiếu tính chủ động, chất lượng chưa cao.

- Kỹ năng ứng dụng công nghệ số của người dân còn chưa đồng đều; nhiều trường hợp vẫn lúng túng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, cần sự hướng dẫn, hỗ trợ từ cán bộ.

7. Kinh tế số và Xã hội số

Kinh tế số và xã hội số tiếp tục phát triển theo hướng thực chất, góp phần thúc đẩy năng suất lao động, đổi mới phương thức sản xuất - kinh doanh, mở rộng không gian phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng đời sống người dân, phù hợp mục tiêu Nghị quyết 57-NQ/TW và Nghị quyết 71/NQ-CP.

7.1. Kết quả đạt được

* *Kinh tế số*: Các doanh nghiệp Bưu chính (Viettel, Bưu điện xã) đã tập trung triển khai hỗ trợ đưa sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP lên sàn Thương mại điện tử.

Tích cực, quyết liệt triển khai các dịch vụ ngân hàng số được đẩy mạnh, nhiều tiện ích hiện đại, an toàn, thuận tiện được cung cấp rộng rãi đến người dân. Hiện nay, ngân hàng trên địa bàn xã đang duy trì hơn 2.650 tài khoản thanh toán

hoạt động⁵, trong đó có trên 1.225 tài khoản phục vụ chi trả an sinh xã hội; việc chi trả trợ cấp bảo hiểm xã hội, lương hưu được thực hiện bằng hình thức không dùng tiền mặt trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Đồng thời, xã đã triển khai nhiều giải pháp, mô hình thanh toán không dùng tiền mặt trong các lĩnh vực như y tế (thanh toán phí), giáo dục và đào tạo (thanh toán học phí), cũng như thanh toán phí, lệ phí đối với các dịch vụ công trực tuyến⁶.

Người dân sử dụng tài khoản Mobile Money và ví điện tử (do VNPT, Viettel cung cấp) đang hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các giao dịch trực tuyến nhanh chóng, tiện lợi.

Chú trọng thúc đẩy thương mại điện tử và các mô hình kinh doanh trên nền tảng số; có các sản phẩm được quảng bá trên sàn thương mại điện tử lớn như Tiki, Lazada, Shopee,... Qua đó, góp phần tạo thuận lợi trong kết nối cung - cầu trên môi trường số, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả tiêu thụ sản phẩm.

** Xã hội số:* Các doanh nghiệp viễn thông đã tích cực đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng mạng lưới, cung cấp dịch vụ di động 3G/4G và Internet tốc độ cao, góp phần nâng cao tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh trong người dân; đồng thời đẩy mạnh triển khai các giải pháp thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

Hiện nay, xã có 02 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, bảo đảm phục vụ bưu chính công cộng; các điểm này đều được kết nối Internet băng rộng cố định; đảm bảo phát hành, chuyển phát thư báo trong ngày.

Lĩnh vực y tế: Tiếp tục triển khai khám, chữa bệnh BHYT bằng CCCD gắn chip/Căn cước và ứng dụng VNeID tại trạm y tế, việc triển khai Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID được đẩy mạnh.

Lĩnh vực Giáo dục: Thực hiện học bạ số cấp tiểu học tại 04/04 trường, hướng tới tích hợp trên ứng dụng VNeID.

Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường: Thực hiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn xã, trọng tâm là hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Lĩnh vực Thuế: Đẩy mạnh thu thuế khoán đối với hộ kinh doanh, nhất là lĩnh vực bán lẻ, ăn uống; triển khai hóa đơn điện tử từ máy tính tiền và ứng dụng eTax Mobile nhằm chống thất thu thuế.

Xã đã cấp đổi thẻ đảng viên trên nền tảng CSDLQG về dân cư; triển khai cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VneID.

7.2. Tồn tại, hạn chế

- Kinh tế số có phạm vi rộng, liên quan nhiều ngành, lĩnh vực và cơ quan; trong khi công tác giám sát, thu thập, đo lường giá trị kinh tế số còn nhiều khó khăn.
- Về người dân: Một bộ phận chưa có kỹ năng số, thiếu thiết bị thông minh

⁵ số lượng tài khoản thanh toán, không phải số lượng người có tài khoản

⁶ Có 01/01 ngân hàng thương mại trên địa bàn đã thực hiện kết nối để thanh toán phí, lệ phí trên cổng DVC quốc gia, việc thanh toán tương đối dễ dàng và thuận lợi.

hoặc tài khoản ngân hàng, gây hạn chế trong tiếp cận và thanh toán dịch vụ công trực tuyến.

8. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

8.1. *Hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia*

Xã đã ban hành Kế hoạch Tổ chức các hoạt động hưởng tới Ngày chuyển đổi số. Các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia được các cơ quan, đơn vị triển khai tích cực, như: Phát động Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu về Chuyển đổi số và Nghị quyết số 57-NQ/TW”, cuộc thi Bình dân học vụ số; triển khai các chiến dịch truyền thông; triển khai Ngày hội toàn dân học tập số; tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số...

8.2. *Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số*

- Sau khi họp nhất xã, đẩy mạnh hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng theo phương châm “cầm tay chỉ việc”, hỗ trợ kịp thời cho cán bộ, người dân; phối hợp hướng dẫn gửi hồ sơ trực tuyến, hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công trên địa bàn.

- Triển khai kế hoạch huy động đoàn viên, thanh niên và các cơ quan, đơn vị tham gia hỗ trợ, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến tại 18/18 thôn.

- Đoàn xã triển khai 18 Tổ thanh niên xung kích/18 thôn hỗ trợ chuyển đổi số, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, quảng bá và kinh doanh sản phẩm địa phương trên nền tảng số.

- Hưởng ứng ngày Chuyển đổi số quốc gia 2025, xã tham gia cuộc thi trực tuyến, các lớp bồi dưỡng kỹ năng số, ngày hội học tập số và đẩy mạnh truyền thông, góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ và người dân. Bên cạnh đó, xã đã triển khai phong trào *Ngày hội toàn dân học tập số* kết hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức cấp xã và người dân. Đồng thời đẩy mạnh triển khai các chiến dịch truyền thông về các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025.

8.3. *Công tác truyền thông về chuyển đổi số*

Công tác truyền thông về chuyển đổi số được đẩy mạnh với nhiều hình thức đa dạng, gắn chủ đề năm 2025; xây dựng video, infographic và đăng tải tin, bài, phóng sự trên cổng thông tin điện tử của xã... Đồng thời mở các chuyên mục chuyên sâu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên phát thanh, trang mạng xã hội góp phần lan tỏa chủ trương, chính sách và nâng cao nhận thức trong toàn xã hội.

8.4. *Tồn tại, hạn chế*

Công tác tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số chưa đồng đều và chưa thực sự sâu rộng; một số cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, việc triển khai còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao.

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí cho ứng dụng CNTT, chuyển đổi số năm 2021 - 2024 xã không

được cấp nguồn; 2025 được cấp 100 triệu đồng.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật số 148/2025/QH15 của Quốc hội (Luật Chuyển đổi số);
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;
- Nghị quyết số 45-NQ/TU ngày 18/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính gắn với đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu đổi mới, giai đoạn 2025 - 2030;
- Chương trình hành động số 46-CTr/TU ngày 19/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị;
- Kế hoạch số 05-KH/BCĐ ngày 19/3/2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang triển khai thực hiện Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW ngày 05/01/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Chỉ thị số 57-CT/TW trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;
- Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang, phiên bản 4.0;
- Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030;

- Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030;

- Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 11/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 07/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phát triển hạ tầng số tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2025-2030;

- Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 07/2/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về thực hiện Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 09/01/2026 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang và Sửa đổi, bổ sung, cập nhật Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Công văn số 8177/BKHCN-CĐSQG ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030; Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030.

- Quyết định số 01-QĐ/ĐU ngày 14/8/2025 về việc thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Đồng Yên;

- Quy chế số 01-QC/BCĐ ngày 15/9/2025 về quy chế làm việc của Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số;

- Quyết định số 01-QĐ/BCĐ ngày 15/8/2025 về thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

- Kế hoạch số 08-KH/ĐU ngày 15/9/2025 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 22-KH/ĐU ngày 30/10/2025 triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn xã Đồng Yên;

- Kế hoạch số 628/KH-UBND, ngày 14/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Yên về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Yên về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Xã Đồng Yên năm 2026;

- Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND xã Đồng Yên về Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh” trên địa bàn xã Đồng Yên;

- Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 22/4/2026 của UBND xã Đồng Yên về tổ chức Cuộc thi “Bình dân học vụ số”;

- Công văn số 587/UBND-VHXXH ngày 27/5/2026 của UBND xã Đồng Yên về đề xuất nội dung nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026 về lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND xã Đồng Yên về thành lập Ban Chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06.

Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số xã Đồng Yên, giai đoạn 2026-2030, như sau:

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu chung

1.1. Xây dựng chính quyền số công khai, minh bạch, hiệu quả; đưa hoạt động quản lý lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, không phụ thuộc địa giới hành chính, góp phần nâng cao chất lượng quản trị và cải cách hành chính.

1.2. Thúc đẩy kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng; phát triển xã hội số bao trùm, an toàn, thu hẹp khoảng cách số, phù hợp điều kiện miền núi, biên giới.

1.3. Phát triển hạ tầng và nền tảng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông, chia sẻ dữ liệu, an toàn, an ninh mạng; kết nối các Trung tâm điều hành thông minh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phổ cập kỹ năng số.

1.4. Phân đầu đến năm 2030 hoàn thành xây dựng chính quyền số; các hoạt động cơ bản của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng số thống nhất, liên thông; hình thành hệ sinh thái số đồng bộ, an toàn; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

2.1.1. Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh

*** Giai đoạn năm 2026-2027**

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.
- Phân đầu 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong

ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

*** Giai đoạn năm 2028-2030**

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt trên 85%.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa các cấp chính quyền đạt 100%.

- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

2.1.2. Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu

*** Giai đoạn năm 2026-2027**

- 100% thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính quyền số hoàn thành, đưa vào sử dụng theo đúng kế hoạch.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.

- 50% Cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

*** Giai đoạn năm 2028-2030**

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- Tỷ lệ hệ thống thông tin được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây đạt trên 70%.

- Tỷ lệ dữ liệu của các phòng, ban, ngành được tích hợp với Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu đạt trên 85%.

- 100% các phòng, ban, ngành thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 100% nhiệm vụ của các phòng, ban, ngành thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của cơ quan được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 90% phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế

**** Phân đầu đến năm 2030***

- Quy mô kinh tế số trong GRDP đạt 20%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng công nghệ số đạt trên 60%.

- Phân đầu 100% các cửa hàng, hộ kinh doanh sử dụng các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh,...

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

**** Phân đầu đến năm 2030***

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã đạt 90%.

- Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps đạt 100%.

- Tỷ lệ phủ sóng viễn thông tại các thôn trên địa bàn xã đạt 100%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông đạt 90%.

- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt

tối thiểu 95%.

- 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số.

- Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) đạt trên 80%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số; phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Kịp thời kiện toàn Ban Chỉ đạo, các Tổ công tác; rà soát, bổ sung quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ và chương trình công tác hằng năm.

- Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong trực tiếp chỉ đạo triển khai chuyển đổi số; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị.

- Hằng năm tổ chức đánh giá, công bố kết quả thực hiện chuyển đổi số, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

2. Thể chế, chính sách số

- Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW; lồng ghép mục tiêu, chỉ tiêu chuyển đổi số vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Chủ động tháo gỡ vướng mắc về thể chế; đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số và chính quyền số.

- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về chuyển đổi số; đồng thời rà soát, xử lý các văn bản, quy định được ban hành trên cơ sở Luật Công nghệ thông tin năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với Luật Chuyển đổi số và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Hạ tầng số

3.1. Hạ tầng viễn thông và Internet

- Mở rộng phủ sóng 4G, 5G, ưu tiên khu đông dân cư; từng bước phổ cập điện thoại thông minh, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Triển khai các nền tảng IoT, AI, blockchain phục vụ quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội.

3.2. Hạ tầng dữ liệu

Sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng dùng chung, bảo đảm đồng bộ, liên thông, ưu tiên ứng dụng điện toán đám mây phục vụ hiệu quả chuyển đổi số.

3.3. Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ

- Triển khai cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số, công nghệ số; lồng ghép nội dung này vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phát triển hạ tầng và tiện ích số, trọng tâm là các nền tảng dùng chung, phục vụ hiệu quả các hoạt động thiết yếu trên môi trường số.

4. Nhân lực số

- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong cơ quan; đồng thời thu hút chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ chất lượng cao về công tác tại xã.

- Ưu tiên bố trí kinh phí đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyển đổi số.

- Xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số; đổi mới phương thức đào tạo, tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại, đặc biệt là AI.

- Duy trì, đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số” thường xuyên, liên tục với đa dạng hình thức, nhằm phổ cập kiến thức khoa học, công nghệ và kỹ năng số cho người dân.

- Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và thanh toán số.

5. Phát triển Dữ liệu số

- Triển khai đầy đủ, đúng tiến độ các nhiệm vụ về tạo lập, thu thập, chuẩn hóa và làm giàu dữ liệu, bảo đảm hình thành nguồn dữ liệu đồng bộ, chính xác, phục vụ hiệu quả cho chuyển đổi số toàn diện.

- Sử dụng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo hướng tập trung, thống nhất; phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, tổ chức kết nối, khai thác và chia sẻ dữ liệu giữa các ngành, lĩnh vực, ưu tiên các lĩnh vực trọng điểm như: nông nghiệp và môi trường, xây dựng, giao thông, y tế, giáo dục và đào tạo. Đồng thời, quán triệt thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân, đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân trong quá trình thu thập, khai thác và đặc biệt là khi ứng dụng AI, Big Data.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu giữa các phòng, ngành với các cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống thông tin của các sở, ngành (như: dân cư, đất đai, giáo dục, y tế...), thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP); bảo đảm dữ liệu được trao đổi hai chiều, cập nhật kịp thời, đồng bộ theo thời gian thực.

- Thực hiện danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở; tạo điều kiện và khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp và người dân khai thác, sử dụng dữ liệu mở để phát triển các sản phẩm, dịch vụ số mới, góp phần thúc đẩy kinh tế số và xã hội số.

- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ theo kế hoạch đã ban hành; đặc biệt là tài liệu của cơ quan, tổ chức sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy giai đoạn 2025-2030. Đồng thời, thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định nhằm phục vụ tái sử dụng thông tin, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc và cung cấp dịch vụ công.

6. Bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và bảo mật thông tin trong

quá trình nâng cấp hạ tầng, tích hợp và hợp nhất các hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung

- Triển khai đồng bộ các giải pháp giám sát và bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và bảo mật thông tin đối với toàn bộ hệ thống thông tin, cũng như các hệ thống thông tin chuyên ngành và hệ thống dùng chung quan trọng, nhằm phát hiện sớm, ngăn chặn và xử lý kịp thời các nguy cơ mất an ninh mạng, an ninh dữ liệu và bảo mật thông tin.

- Bảo đảm khả năng giám sát, cảnh báo sớm, phản ứng nhanh và ứng cứu kịp thời các sự cố an ninh mạng. Đồng thời, tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn cho lực lượng chuyên trách và lực lượng thường trực bảo vệ an ninh mạng tại địa phương; phát huy, huy động hiệu quả lực lượng dự bị tham gia hỗ trợ xử lý các tình huống phát sinh.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chuyên trách về an ninh mạng với lực lượng quân đội và các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, ngân hàng, tài chính, thanh toán... trong công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng, đặc biệt là tội phạm sử dụng công nghệ cao.

7. Chính quyền số

- Thường xuyên rà soát, nâng cấp và bảo đảm vận hành ổn định, thông suốt các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành (như: hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống báo cáo, thư điện tử công vụ, cổng thông tin điện tử...), đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số.

- Từng bước hình thành mô hình điều hành dựa trên dữ liệu, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, bảo đảm các dịch vụ đủ điều kiện được cung cấp hoàn toàn trên môi trường số; thực hiện tích hợp, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia; mở rộng cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm các khâu trung gian không cần thiết; tăng cường ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình xử lý hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số tiên tiến như AI, Big Data trong hoạt động quản lý, điều hành; từng bước triển khai các nền tảng số thông minh trong các lĩnh vực ưu tiên như du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục, y tế góp phần phát triển chính quyền số đồng bộ, hiện đại.

8. Kinh tế số và Xã hội số

- Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và phát triển các dịch vụ tài chính số trên địa bàn xã; mở rộng sử dụng tài khoản định danh điện tử, ví điện tử, hóa đơn điện tử...; khuyến khích các ngân hàng, tổ chức tín dụng cung cấp các giải

pháp thanh toán số an toàn, tiện lợi, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã chuyển đổi số toàn diện, đổi mới mô hình quản trị, sản xuất, kinh doanh dựa trên nền tảng số; tăng cường ứng dụng các công cụ số như phần mềm quản trị, thương mại điện tử, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số, thanh toán số; từng bước ứng dụng AI và các công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh.

- Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử và các mô hình kinh doanh trên nền tảng số; hỗ trợ hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia các sàn thương mại điện tử (như Tiki, Lazada, Shopee, Buudien.vn, Voso.vn...), mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; tăng cường kết nối cung - cầu trên môi trường số, đặc biệt đối với sản phẩm nông nghiệp và đặc sản địa phương.

- Phát triển các dịch vụ số trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội thiết yếu như y tế, giáo dục, bảo hiểm, du lịch, giao thông, nông nghiệp, văn hóa; thúc đẩy triển khai các mô hình kinh tế số như trường học số, du lịch thông minh, nông nghiệp thông minh.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số; khuyến khích người dân tham gia các hoạt động giao dịch, mua sắm, thanh toán và sử dụng dịch vụ trên môi trường số.

- Xây dựng cộng đồng công dân số; đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số và văn hóa số trong xã hội; khuyến khích người dân chủ động học tập, sáng tạo và tích cực tham gia vào quá trình phát triển kinh tế số của xã.

9. Nâng cao nhận thức, tăng cường tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số gắn với bảo đảm an toàn thông tin

- Tổ chức thường xuyên, liên tục các hoạt động tuyên truyền sâu rộng về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng mạng xã hội và hệ thống truyền thanh; lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào các phong trào thi đua, chương trình hành động và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội nhằm nâng cao nhận thức trong toàn xã hội.

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông thông qua việc tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, tọa đàm, cuộc thi trực tuyến và các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia; qua đó lan tỏa nhận thức, thúc đẩy hình thành thói quen và văn hóa số trong cộng đồng.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức về an toàn, an ninh mạng; nâng cao cảnh giác và kỹ năng phòng, chống lừa đảo trực tuyến; hướng dẫn người dân, tổ chức kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin khi tham gia môi trường số.

IV. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số xã Đồng Yên, giai đoạn 2026-2030 là: 5.000 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn kinh phí sự nghiệp: 4.000 triệu đồng;

- Vốn đầu tư: 0 triệu đồng;
- Xã hội hoá: 500 triệu đồng;
- Nguồn vốn khác: 500 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức vận hành hiệu quả TTPVHCC xã; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức quản lý, vận hành và khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số phục vụ công tác tham mưu, tổng hợp, giúp việc cho UBND xã, Chủ tịch UBND xã trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin và khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống theo hướng thiết thực, hiệu quả.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực tư pháp; xây dựng, cập nhật và quản lý hiệu quả các cơ sở dữ liệu số thuộc phạm vi quản lý của ngành Tư pháp, phục vụ công tác quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính.
- Tổ chức kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu của ngành Tư pháp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác theo hướng dẫn của Trung ương, Bộ Tư pháp và sở Tư pháp; qua đó góp phần đơn giản hóa, cắt giảm thành phần hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu số.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

*** Lĩnh vực chuyển đổi số**

- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch; phối hợp với các phòng, ban, ngành và đơn vị liên quan triển khai đồng bộ, hiệu quả các nội dung về chuyển đổi số trên địa bàn xã.
- Chủ trì tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số; phát triển giao dịch điện tử, hạ tầng số, dữ liệu số, nhân lực số, thương mại điện tử và các nội dung liên quan.
- Chủ trì theo dõi, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch hằng năm; định kỳ báo cáo UBND xã và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.
- Phối hợp với phòng Kinh tế xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chuyển đổi số, trình UBND xã phê duyệt; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai Kế hoạch bảo đảm hiệu quả, đúng tiến độ và quy định.

*** Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng**

- Tham mưu xét chọn, đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn xã, trình Chủ tịch UBND xã hoặc cấp

có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

- Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm; lồng ghép nội dung về chuyển đổi số, kỹ năng số, an toàn thông tin, dữ liệu số và chính quyền số.

- Tham mưu cập nhật, bổ sung tiêu chí về chuyển đổi số trong Bộ tiêu chí đánh giá cải cách hành chính; theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện, gắn với công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức.

*** Lĩnh vực Giáo dục**

- Chủ trì triển khai chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tư duy sáng tạo, kỹ năng số và kỹ năng học tập suốt đời cho học sinh, sinh viên.

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; ưu tiên xây dựng hệ thống dữ liệu và quản trị giáo dục số dùng chung, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và AI trong dạy học, quản lý; đồng thời phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và người học, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của xã.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy, quản lý, kiểm tra và đánh giá; xây dựng và phát triển kho học liệu số, thư viện số, lớp học trực tuyến; từng bước hình thành mô hình trường học thông minh, lớp học thông minh.

- Bồi dưỡng năng lực số, kỹ năng dạy học trực tuyến cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh; triển khai hiệu quả các nền tảng học tập, thi trực tuyến và quản lý hồ sơ điện tử của giáo viên, học sinh.

- Tổ chức thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 131/QĐ-TTg, phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

*** Lĩnh vực Y tế**

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số ngành y tế; hoàn thiện và triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh từ xa, hội chẩn trực tuyến; quản lý thuốc, trang thiết bị y tế; và thanh toán phí không dùng tiền mặt.

- Tăng cường phối hợp với sở Y tế, Bảo hiểm xã hội và các cơ quan liên quan trong kết nối, chia sẻ dữ liệu y tế quốc gia, hướng tới xây dựng hệ thống y tế số toàn diện.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành y tế, bảo đảm đồng bộ, cập nhật và phục vụ hiệu quả công tác quản lý, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

*** Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch và các

nền tảng số phục vụ quảng bá, kết nối doanh nghiệp với du khách; xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu số trong phạm vi quản lý của ngành.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch gắn với nền tảng số; đẩy mạnh truyền thông số, livestream quảng bá du lịch, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ đặc trưng của xã trên các nền tảng số và sàn thương mại điện tử.

3. Phòng Kinh tế

*** Lĩnh vực Tài chính, kế toán**

- Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, chủ trì phối hợp với phòng Văn hóa tham mưu Ủy ban nhân dân xã cân đối, bố trí nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số theo Kế hoạch; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc lập, quản lý và sử dụng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các phòng, ngành hướng dẫn, hỗ trợ thủ tục đăng ký, thành lập doanh nghiệp, đồng thời triển khai các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đầu tư theo quy định hiện hành.

- Phối hợp với phòng Văn hóa - Xã hội theo dõi, đôn đốc việc triển khai các dự án chuyển đổi số, bảo đảm tiến độ, hiệu quả; đồng thời thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí công khai, minh bạch, đúng quy định.

*** Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường**

- Tiếp tục triển khai, quản lý và vận hành hiệu quả cơ sở dữ liệu đất đai, tài nguyên môi trường, vùng trồng, vùng nuôi và hệ thống bản đồ số, phục vụ công tác quản lý nhà nước, quy hoạch và truy xuất nguồn gốc nông sản.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin địa lý (GIS) để xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất đồng bộ, hiện đại, phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, AI, tự động hóa và Big Data trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản; phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và an toàn thực phẩm.

- Tăng cường chuyển đổi số trong các lĩnh vực thủy lợi, chăn nuôi, thú y, kiểm lâm và bảo vệ môi trường; từng bước hình thành hệ thống quản lý, điều hành số toàn ngành nông nghiệp và môi trường.

4. Công an xã

- Chủ trì tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh mạng; tổ chức triển khai các biện pháp giám sát, bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quan trọng, dùng chung.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử với các cơ sở dữ liệu của tỉnh; phối hợp triển khai hiệu quả nền tảng định danh điện tử quốc gia (VNeID) phục vụ giao dịch điện tử và dịch vụ công trực tuyến.

- Chủ trì tham mưu tổ chức diễn tập, ứng cứu sự cố an ninh mạng trên địa bàn xã theo quy định; phân công lực lượng, triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn và xử lý tội phạm sử dụng không gian mạng, công nghệ cao, góp phần bảo đảm an ninh, an toàn cho người dân và doanh nghiệp trong môi trường số.

5. Các phòng, ban, ngành

- Các phòng, ban, ngành căn cứ Kế hoạch này chủ động xây dựng kế hoạch hằng năm, dự toán kinh phí để triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị; đồng thời ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện các chương trình, dự án chuyển đổi số.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, gắn với cải cách hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Lồng ghép, cập nhật các nội dung chuyển đổi số theo hướng dẫn của sở, ngành chủ quản vào kế hoạch của cơ quan, đơn vị; tăng cường khai thác, sử dụng các hệ thống, phần mềm dùng chung.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật danh mục dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở; thực hiện chia sẻ dữ liệu chuyên ngành vào Kho dữ liệu dùng chung, cung cấp dữ liệu mở theo quy định; bảo đảm kết nối qua nền tảng LGSP và đồng bộ với các nền tảng quốc gia.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm về UBND xã (qua phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp), gồm: báo cáo quý I (trước 10/3), 6 tháng (trước 15/6), quý III (trước 10/9), báo cáo năm (trước 10/12) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

- Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phối hợp với phòng Văn hóa - Xã hội để xử lý; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo UBND xã xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số xã Đồng Yên giai đoạn 2026 - 2030. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm chất lượng, tiến độ. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND xã (qua phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành thuộc xã;
- Lãnh đạo VP UBND xã;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Chung

PHỤ LỤC:
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NĂM 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân xã)

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp/dự án mới	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (đơn vị: Triệu đồng)					Ghi chú
							Tổng cộng	Kinh phí sự nghiệp	Vốn đầu tư	Xã hội hóa	Nguồn vốn khác	
	TỔNG CỘNG:						5.000	4.000	0	500	500	
I	CHUYỂN ĐỔI NHẬN THỨC						1.600	1.300		200	100	
I.1	Phòng Văn hóa - Xã hội						1.000	800		100	100	
1	Tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng AI nâng cao hiệu suất công việc cho Cán bộ CNTT chuyên trách Chuyển đổi số và các cán bộ chủ chốt tại các phòng, ban, ngành	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ hàng năm	Thực hiện hàng năm	Hội nghị tập huấn hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức	200	100			100	
2	Tổ chức đánh giá mức độ xây dựng chính quyền số đối với các cơ quan	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ hàng năm	Thực hiện hàng năm	Quyết định phê duyệt Kết quả đánh giá						

3	Thực hiện Công tác Chuyển đổi số	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ mới	Thực hiện hàng năm	Tham gia hội thảo, tập huấn, Kiểm tra,...	550	500		50		
4	Triển khai thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ mới	Thực hiện hàng năm	Triển khai hội thảo, tập huấn... Kiểm tra tình hình thực hiện	250	200		50		
1.2	Phòng Kinh tế						300	300				
1	Hỗ trợ Doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân ứng dụng các ứng dụng, phần mềm trong sản xuất, kinh doanh	Phòng Kinh tế	Các phòng, ngành và các đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới	2027-2030	Các lớp bồi dưỡng, tập huấn được tổ chức	100	100				
2	Tổ chức Livestream quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm tiêu biểu trên các nền tảng số (01 buổi/quý)	Phòng Kinh tế	Các phòng, ngành và các đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới	2027 - 2030	Các buổi Livestream quảng bá sản phẩm OCOP và sản phẩm tiêu biểu của địa phương trên các nền tảng số	100	100				
3	Chạy Quảng cáo sản giao dịch thương mại của xã để giúp tăng lượng tương tác	Phòng Kinh tế	Các phòng, ngành và các đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới	2027 - 2030	Quảng bá, giới thiệu và hỗ trợ giúp các Doanh nghiệp, HTX tiêu thụ các sản phẩm đặc trưng, đặc sản của xã	100	100				

I.3	Phòng Văn hóa - Xã hội (Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo)						300	200		100		
1	Nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên và cán bộ phụ trách giáo dục	Phòng Văn hóa - Xã hội, các trường học trên địa bàn xã	Các cơ quan, đơn vị	Nhiệm vụ mới	2027-2030	Đào tạo nâng cao năng lực số tại các trường học và đội ngũ cán bộ phụ trách	300	200		100		
II	CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH						200	100			100	
II.1	Phòng Văn hóa - Xã hội						200	100			100	
1	Rà soát, sửa đổi và triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ quan cấp xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ mới	Quý I/2026	Quyết định ban hành Bộ tiêu chí						
2	Thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ chuyển đổi số	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2027-2030	Các Đề tài, dự án khoa học	200	100			100	
3	Triển khai Chương trình hành động của UBND xã về đẩy mạnh ứng dụng AI, dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội và Xã hội số, giai đoạn 2026-2030	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ mới	Thường xuyên	Các Kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện						

II.2	Văn phòng Ủy ban nhân dân xã											
1	Thực hiện Quyết định Ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử tỉnh Tuyên Quang	Văn phòng UBND xã	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ mới	Quý II/2026	Tổ chức thực hiện						
2	Thực hiện Bộ Chỉ số giám sát của Trung tâm IOC tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến và dựa trên dữ liệu theo yêu cầu cụ thể của địa phương	Văn phòng UBND xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	Quý II/2026	Tổ chức thực hiện						
3	Thực hiện Quy định về hình thức, các kênh tương tác để tiếp nhận, xử lý phản ánh và thông báo kết quả xử lý cho người dân	Văn phòng UBND xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	Quý II/2026	Tổ chức thực hiện						
III	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ, NỀN TẢNG SỐ						3.100	2.500	0	300	300	
III.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân xã						200	100		100		
1	Sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành công việc trong các cơ quan, đơn vị	Văn phòng UBND xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Thường xuyên (20262030)	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành công việc trong cơ quan, đơn vị						
2	Sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Tuyên Quang, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	Văn phòng UBND xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Thường xuyên (20262030)	Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Tuyên Quang						

3	Sử dụng Hệ thống theo dõi nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao	Văn phòng UBND xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Thường xuyên (2026-2030)	Hệ thống theo dõi nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao						
4	Sử dụng Hệ thống gửi, nhận tài liệu và quản lý cuộc họp	Văn phòng UBND xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Thường xuyên (2026-2030)	Hệ thống gửi, nhận tài liệu và quản lý cuộc họp						
5	Sử dụng tổng đài Phản ánh, kiến nghị 1022	Văn phòng UBND xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026-2030	Tổng đài 1022						
6	Mua sắm trang thiết bị	Văn phòng UBND xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026-2030	Sử dụng Hệ thống tiếp dân trực tuyến						
7	Hệ thống mạng LAN nội bộ Văn phòng Ủy ban nhân dân xã	Văn phòng UBND xã	Các nhà mạng cung cấp	Chuyển tiếp	2027 - 2030	Xây dựng hệ thống mạng dữ liệu chuyên dùng	200	100		100		
8	Sử dụng hệ thống tiếp dân	Văn phòng UBND xã	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới	2027 - 2030	Tiếp nhận đơn thư, giải quyết đơn thư						
III.2	Phòng Văn hóa - Xã hội (Lĩnh vực Y tế)						600	500		100		

1	Nâng cấp hệ thống Camera an ninh, trật tự trong khuôn viên Trạm xã	Trạm y tế	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	Nhiệm vụ mới	2027 - 2030	Đảm bảo an ninh trật tự.	100	100				
2	Đầu tư nâng cấp hệ thống phòng họp trực tuyến	Trạm y tế	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	Nhiệm vụ mới	2027 - 2030	Hoàn thiện hạ tầng triển khai hồ sơ bệnh án điện tử.	400	300		100		
3	Triển khai đồng bộ các nền tảng số y tế theo Quyết định số 2955/QĐ-BYT ngày 28/10/2022	Trạm Y tế	Các cơ quan và các đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2027 - 2030	Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Y tế	100	100				
III.3	Phòng Văn hóa - Xã hội						700	500			200	
1	Sử dụng Ứng dụng Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang tiến tới cuộc cách mạng 4.0	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ mới	2026-2030	Ứng dụng App Tuyên Quang ID						

2	Sử dụng Công cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2026-2030	Công cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang						
3	Sử dụng Phần mềm số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính, xây dựng cơ sở dữ liệu số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	Quý III/2026	Phần mềm số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính						
4	Sử dụng Hệ thống trợ lý ảo cho Công chức, viên chức tỉnh Tuyên Quang	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2026	Công cụ hỗ trợ cho CCVC trong xử lý công việc						
5	Sử dụng Hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh Tuyên Quang	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026-2030	Hệ thống Hội nghị truyền hình						
6	Trang bị bổ sung thiết bị hội nghị truyền hình cho xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026-2030	Hệ thống Hội nghị truyền hình	300	200			100	

7	Triển khai Nền tảng quản lý công việc cấp xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	Thường xuyên	Hệ thống quản lý công việc cấp xã	400	300			100	
8	Sử dụng hợp nhất các trung tâm dữ liệu của tỉnh Tuyên Quang (gồm cả Hà Giang cũ) và các sở, ngành có trung tâm dữ liệu phân tán.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan		Quý III/2026	Dữ liệu tỉnh Tuyên Quang được hợp nhất						
9	Sử dụng nền tảng phần mềm, trang thiết bị xác thực quản lý theo dõi báo cáo thống kê kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại xã theo thời gian thực	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2026-2030	Phần mềm xác thực quản lý theo dõi báo cáo thống kê kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến						
10	Sử dụng mạng nội bộ (LAN) cho các cơ quan đảm bảo kết nối với các nền tảng dùng chung của tỉnh	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2026-2030	Sử dụng mạng LAN cho các cơ quan						

11	Sử dụng Kho dữ liệu dùng chung	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2026-2030	Kho dữ liệu của tỉnh kết nối đến Trung tâm dữ liệu Quốc gia						
III.4 Phòng Văn hóa - Xã Hội (Lĩnh vực Nội vụ)												
1	Sử dụng Phần mềm quản lý hồ sơ người có công và đối tượng chính sách	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới (nâng cấp phần mềm quản lý)	2026	Phần mềm quản lý hồ sơ người có công và đối tượng chính sách						
2	Sử dụng Phần mềm Thi đua - Khen thưởng	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan đơn vị	Nhiệm vụ mới	2026	Phần mềm được nâng cấp						
3	Sử dụng chức năng báo cáo công tác cải cách hành chính vào phần mềm quản lý chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính các cấp tỉnh Tuyên Quang	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan đơn vị	Dự án chuyển tiếp	2026	Phần mềm quản lý chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính các cấp tỉnh Tuyên Quang được nâng cấp...						

4	Sử dụng Phần mềm đánh giá, xếp loại chất lượng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường; tập thể lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường và cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền đánh giá, xếp loại của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hằng tháng, quý, năm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, ngành	Dự án chuyển tiếp	2026	Phần mềm được nâng cấp, mở rộng						
5	Số hoá hồ sơ người có công với cách mạng	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	Nhiệm vụ mới	2026	Chỉnh lý, số hóa người có công với cách mạng						
III.5	Phòng Kinh tế						700	500		100	100	
1	Hỗ trợ doanh nghiệp, xây dựng Website	Phòng Kinh tế	Các phòng, ngành và các đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới	2027 - 2030	Quảng bá, giới thiệu và hỗ trợ giúp các Doanh nghiệp, HTX tiêu thụ các sản phẩm đặc trưng, đặc sản của xã	300	200			100	

2	Phần mềm AI phục vụ công việc	Phòng Kinh tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2027 - 2030	Nền tảng AI có bản quyền	200	150		50		
3	Phần mềm Quản lý và lập báo cáo ngân sách	Phòng Kinh tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ mới	2026	Phần mềm ứng dụng	200	150		50		
III.6	Phòng Văn hóa – Xã hội (Lĩnh vực Văn hoá, Thể thao và Du lịch)						500	500				
1	Sử dụng Hệ thống thông tin nguồn tập trung phục vụ kết nối liên thông hệ thống truyền thanh công nghệ thông tin từ Trung ương đến địa phương	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan		2026	Phần mềm được nâng cấp						
2	Sử dụng Nền tảng Quản trị & Kinh doanh du lịch	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới	2027 - 2030	Hệ thống kinh doanh du lịch hỗ trợ doanh nghiệp thiết kế tour, quản lý sản phẩm - đại lý - đối tác...						
3	Sử dụng Nền tảng Quản trị Quảng bá & Xúc tiến du lịch thông minh	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới	2027 - 2030	Hệ thống tích hợp quản trị tài nguyên, doanh nghiệp, sự kiện, tiếp nhận phản ánh, báo ...						

4	Số hóa các di tích lịch sử trên địa bàn xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới	2027 - 2030	Số hóa 100% các di tích lịch sử trên địa bàn						
5	Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới	2026 - 2030	Hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn xã được đầu tư, nâng cấp đồng bộ, vận hành ổn định và bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền đến người dân.	500	500				
III.7	Phòng Văn hóa - Xã hội (Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo)						100	100				
1	Xây dựng AI chuyên ngành để giảm tải hành chính, cá nhân hoá học tập, nâng cao chất lượng đánh giá và hiệu quả quản trị.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các đơn vị trường học	Điều chỉnh	2027 - 2030	AI chuyên ngành	100	100				
III.8	Công an xã						300	300				

1	Sử dụng Hệ thống trang thiết bị điện tử phục vụ công tác chỉ huy chiến đấu của lực lượng cảnh sát cơ động	Công an xã	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ mới	2027	Hệ thống trang thiết bị điện tử phục vụ công tác chỉ huy chiến đấu của lực lượng cảnh sát cơ động						
2	Nâng cấp, hiện đại hóa Camera giám sát an ninh trật tự - giao thông trên địa bàn xã	Công an xã	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ mới	2026 - 2028		300	300				
3	Sử dụng Dự án “Nâng cấp, mở rộng hạ mạng máy tính nghiệp vụ cho lực lượng Công an cấp xã”	Công an xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan		2026 - 2027	Đầu tư; triển khai thực hiện mua sắm, thi công lắp đặt trang thiết bị kỹ thuật ... mạng máy tính nghiệp vụ.						
III.9 Phòng Kinh tế (Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường)												
1	Sử dụng hệ thống camera phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và theo dõi cảnh báo sớm cháy rừng thông minh chuyên dụng	Phòng Kinh tế	Các thôn có rừng	Dự án mới	2027 - 2030	Lắp đặt hệ thống camera phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng...						

2	Sử dụng hệ thống camera phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và theo dõi cảnh báo sớm cháy rừng thông minh chuyên dụng	Phòng Kinh tế	Các thôn có rừng	Dự án mới	2027 - 2030	Lắp đặt hệ thống camera phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và theo dõi cảnh báo sớm cháy rừng thông minh chuyên dụng...						
3	Sử dụng hệ thống quản lý lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ mới	2027 - 2030	Hệ thống quản lý lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản						
4	Sử dụng Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, ngành	Dự án mới	2027 - 2030	Hồ sơ địa chính và CSDL về đất đai						

5	Sử dụng Kho dữ liệu về diện tích sử dụng tiền hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Phòng Kinh tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới	2027 - 2030	- Hệ thống thông tin tổng thể dữ liệu về diện tích sử dụng tiền hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (Diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ dịch vụ công ích thủy lợi.						
6	Tham gia Điều tra bổ sung, nâng cấp cơ sở dữ liệu du lịch nông nghiệp, nông thôn điện tử (WebGIS) phục vụ Chương trình phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ, dự án mới	2027 - 2030	CSDL du lịch nông nghiệp nông thôn, gồm: các điểm du lịch; các khu du lịch; các tuyến du lịch; các cơ sở lưu trú; các cơ sở mua sắm; nhà hàng, quán ăn; vận tải, đi lại...						
7	Tham gia Điều tra, xây dựng Cơ sở dữ liệu thủy sản điện tử (WebGIS), số hoá vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, đề xuất giải pháp giám sát môi trường nuôi trồng thủy sản tỉnh Tuyên Quang.	Phòng Kinh tế	Phòng, ngành liên quan	Nhiệm vụ mới	2026	Xây dựng CSDL thủy sản tỉnh Tuyên Quang						

IV.2	Lĩnh vực Công thương: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Công thương tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định				2026-2030							
1	Sử dụng Hệ thống Cơ sở dữ liệu kinh tế, công nghiệp và thương mại tỉnh Tuyên Quang	Phòng Kinh tế	Các phòng, ngành, UBND cấp xã	Nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp	2026	Trang thông tin các sản phẩm nông thôn miền núi, vùng sâu vùng xa						
2	Sử dụng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Công thương tỉnh Tuyên Quang	Phòng Kinh tế	Các phòng, ngành, UBND cấp xã		2026-2030							

IV.3	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định	Phòng Văn hóa - Xã hội (Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo)	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026-2030	Kho dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo						
1	Sử dụng Hệ sinh thái giáo dục thông minh	Phòng Văn hóa – Xã hội (Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo)	Các cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh	2026-2030	- Xây dựng CSDL ngành giáo dục tập trung, chuẩn hóa, có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt với các phần mềm giáo dục trên địa bàn						
IV.4	Lĩnh vực Nội vụ: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Nội vụ tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định	Phòng Văn hóa - Xã hội (Lĩnh vực Nội vụ)	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026-2030	Sử dụng Kho dữ liệu ngành Nội vụ						

IV.6	Lĩnh vực Văn hóa, thể thao và Du lịch: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Văn hóa, thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định	Phòng Văn hóa - Xã hội (Lĩnh vực Văn hóa, thể thao và Du lịch)	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026-2030	Kho dữ liệu ngành Văn hóa, thể thao và Du lịch						
1	Nâng cấp Thư viện số tỉnh Tuyên Quang	Phòng Văn hóa - Xã hội (Lĩnh vực Văn hóa, thể thao và Du lịch)	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026	Phối hợp thực hiện Thư viện số tỉnh Tuyên Quang						
2	Sử dụng Hệ thống giám sát và xử lý thông tin tiêu cực trên môi trường mạng	Phòng Văn hóa - Xã hội (Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	các đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ, dự án mới	2027-2030							

IV.7	Lĩnh vực Y tế: Triển khai Xây dựng kho dữ liệu số và hệ thống báo cáo chỉ đạo điều hành ngành Y tế tỉnh Tuyên Quang đảm bảo kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác; sẵn sàng chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo quy định.	Phòng Văn hóa – Xã hội (Lĩnh vực Y tế)	Các phòng, ban, ngành	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2026-2030	Kho dữ liệu ngành Y tế	100	100				
1	Kho dữ liệu ngành Y tế, gồm: Cơ sở dữ liệu An toàn thực phẩm; cơ sở dữ liệu y tế số hóa toàn viện; cơ sở dữ liệu về y tế cơ sở....	Phòng Văn hóa – Xã hội (Lĩnh vực Y tế)	Các cơ quan, đơn vị, liên quan	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2027 - 2030	Kho dữ liệu ngành Y tế						
2	Xây dựng hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử Trạm Y tế.	Trạm Y tế	Các phòng và các đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ mới	2027 - 2030	Hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử	100	100				